

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM DƯƠNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày 11 - 6 - 2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Hanh.

2. Ông Nguyễn Đình La

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: Thôn 02, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Thôn 01, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Đào Trọng Truyền**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 02, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11 háng 10 năm 2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày: Chị và anh Đào Trọng T kết hôn vào ngày 10 tháng 4 năm 2015, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh T. Đến khoảng tháng 02/2016 anh chị ra ở riêng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 02 năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Từ tháng 02/2018 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đào Trọng Duy H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016. Hiện cháu H đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đào Trọng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh Đào Trọng T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như việc tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố, cũng như không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục chung đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị N, cho chị N được ly hôn anh Đào Trọng T. Về con chung: Giao con chung cháu Đào Trọng Duy H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 cho chị Đinh

Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung với Đào Trọng T có địa chỉ tại Thôn 02, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Đào Trọng T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai về việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Đào Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị N và anh Đào Trọng T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 02 năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Quá trình xác minh tại địa phương, anh Đào Trọng T biết về việc khởi kiện của chị Đinh Thị N nhưng anh T không chấp hành theo các thông báo của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh T đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Đào Trọng Duy H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016. Xét thấy cháu Đào Trọng Duy H còn nhỏ, hiện đang ở với chị N, cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Mặt khác, chị N có công việc và thu nhập ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Đào Trọng T là bị đơn vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh T nên không xác định được anh T, chị N có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất canh tác hay không và quan điểm của anh T như thế nào nên cần tách ra khi nào đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Đào Trọng T .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đào Trọng Duy H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 cho chị Đinh Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2017/0009681 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Dương. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Tiến Dũng**